

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÚI THÀNH
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 20/01/2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trương Văn Biểu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Thanh Dung;
2. Ông Nguyễn Văn Thư.

- Thư ký phiên tòa: bà Trịnh Thị Mỹ, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Núi Thành.

Ngày 20 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Núi Thành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 258/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02-12-2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30/12/2024; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Tường V, sinh năm 1984; địa chỉ: thôn T, xã A, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Có mặt

- Bị đơn: ông Đoàn Thanh T, sinh năm 1983; địa chỉ: thôn B, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Tường V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: bà và ông Đoàn Thanh T tự nguyện tìm hiểu, sau đó đăng ký kết hôn vào năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã Tam Hòa, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu

thuần, ông T thường xuyên nhậu say, đánh đập vợ con. Hiện tại bà và ông T đã sống ly thân, mỗi người sống mỗi nơi, không ai quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn đối với ông Đoàn Thanh T.

Về con chung: bà và ông T có với nhau 03 con chung tên Đoàn Thanh H (sinh ngày 07 tháng 3 năm 2007); Đoàn Nguyễn M (sinh ngày 18 tháng 10 năm 2009) và Đoàn Nguyễn T (sinh ngày 08/10/2022). Sau khi ly hôn, bà có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/con/tháng cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng nuôi con chung tính từ tháng 01 năm 2025.

Về tài sản chung và nợ chung: bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Đối với bị đơn Đoàn Thanh T:** Sau khi Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập cũng như tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T nhưng ông T vẫn vắng mặt, không có lý do. Do đó việc lấy lời khai của ông T và việc hòa giải không thực hiện được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: bà Nguyễn Thị Tường V và ông Đoàn Thanh T đăng ký kết hôn năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã Tam Hòa, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam; ông Đoàn Thanh T đang cư trú tại xã Tam Hòa, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Bà Nguyễn Thị Tường V khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con chung; Tòa án nhân dân huyện Núi Thành thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật theo Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 51, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bị đơn ông Đoàn Thanh T đã được tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không có ý kiến phản hồi và không tham gia các hoạt động tố tụng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử nên Tòa án không hòa giải được. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn ông T; tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông T tiếp tục vắng mặt, không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại khoản 5 Điều 177, Điều 179, Điều 207, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Tường V xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn đúng thủ tục tại cơ quan có thẩm

quyền, đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân của bà V và ông T là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời khai của bà Nguyễn Thị Tường V thì cuộc sống hôn nhân của bà và ông Đoàn Thanh T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T thường xuyên đánh đập bà, vợ chồng cãi vã không có tiếng nói chung, hiện tại không ai quan tâm đến ai, không thực hiện quyền và nghĩa vụ của vợ chồng trên thực tế và đã sống ly thân. Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông T đến tham gia hòa giải để hàn gắn lại mối quan hệ nhưng ông T vẫn vắng mặt. Theo đó, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa bà V và ông T không có điều kiện để tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho bà Nguyễn Thị Tường V được ly hôn với ông Đoàn Thanh T là phù hợp với thực tế và đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Về con chung: Đối chiếu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định giữa bà Nguyễn Thị Tường V và ông Đoàn Thanh T có 03 con chung tên Đoàn Thanh Huân (*sinh ngày 07 tháng 3 năm 2007*); Đoàn Nguyễn My Sa (*sinh ngày 18 tháng 10 năm 2009*) và Đoàn Nguyễn Thanh Ca (*sinh ngày 08/10/2022*), quá trình giải quyết vụ án bà V cho rằng con chung đang được bà trực tiếp nuôi dưỡng. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, ông Đoàn Thanh T không có ý kiến hay nguyện vọng gì đối với con chung. Do đó để đảm bảo quyền lợi của trẻ em, giữ ổn định cuộc sống của con, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Tường V, giao con chung Đoàn Thanh H, Đoàn Nguyễn M và Đoàn Nguyễn T cho bà Nguyễn Thị Tường V nuôi dưỡng đến trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, bà V yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/con/tháng. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà V thay đổi yêu cầu, đề nghị ông T cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/con/tháng. Xét thấy, việc thay đổi này là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Tường V, buộc ông Đoàn Thanh T cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/con/tháng cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng nuôi con chung tính từ tháng 01 năm 2025.

Ông Đoàn Thanh T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung. Quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn của các bên được thực hiện theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình và pháp luật tố tụng dân sự.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: các đương sự không yêu cầu nên Hội

đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về án phí: bà Nguyễn Thị Tường V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật. Ông Đoàn Thanh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 21, Điều 28, Điều 35, Điều 39; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tường V đối với ông Đoàn Thanh T về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị Tường V được ly hôn với ông Đoàn Thanh T.

- *Về con chung:* Giao con chung Đoàn Thanh H (*sinh ngày 07 tháng 3 năm 2007*); Đoàn Nguyễn M (*sinh ngày 18 tháng 10 năm 2009*) và Đoàn Nguyễn T (*sinh ngày 08/10/2022*) cho bà Nguyễn Thị Tường V nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Ông Đoàn Thanh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/con/tháng cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng nuôi con chung tính từ tháng 01 năm 2025.

Ông Đoàn Thanh T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung. Quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn của các bên được thực hiện theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình và pháp luật tố tụng dân sự.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Tường V phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo biên lai số 0006773 lập ngày 02 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Bà V đã nộp đủ tiền án phí.

Ông Đoàn Thanh T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Núi Thành;
- Chi cục THADS h.Núi Thành;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Văn Biểu